

- A Nan nên biết! Kiến tinh này chẳng từ sáng, tối ra, chẳng từ con mắt ra, cũng chẳng từ hư không ra. Tại sao? Nếu từ chỗ sáng ra, thì khi tối, kiến tinh đã theo sáng diệt, lẽ ra chẳng thể thấy tối; nếu từ chỗ tối ra, thì khi sáng, kiến tinh phải theo tối diệt, lẽ ra chẳng thể thấy sáng.

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM
QUYỂN BA

LỤC NHẬP

- Lại nữa, A Nan! Sao nói Lục Nhập vốn là Như Lai Tạng, cũng là diệu tánh chơn như?

1. NHÃN NHẬP VỐN VÔ SANH

- Ví như dùng mắt ngó hẵn một chỗ, lâu tự mỗi một, cả con mắt và cái mỗi một đó, đều là tướng ngó lâu mỗi một của tánh BỒ ĐỀ. Do hai thứ vọng trần Sáng và Tối hiện ra cái thấy, thu nạp cảnh trần, gọi là tánh thấy; cái thấy này là Sáng và Tối vốn chẳng có tự thể.

- A Nan nên biết! Kiến tinh này chẳng từ sáng, tối ra, chẳng từ con mắt ra, cũng chẳng từ hư không ra. Tại sao? Nếu từ chỗ sáng ra, thì khi tối, kiến tinh đã theo sáng diệt, lẽ ra chẳng thể thấy tối; nếu từ chỗ tối ra, thì khi sáng, kiến tinh phải theo tối diệt, lẽ ra chẳng thể thấy sáng. Nếu từ con mắt ra thì chẳng có sáng tối, vậy biết kiến tinh vốn chẳng có tự tánh. Nếu từ hư không ra, thì nhìn ra ngoài thấy cảnh trần, xoay về phải thấy con mắt; lại, hư không tự thấy có liên quan gì chỗ nhập của người? Vậy

biết Nhãn Nhập hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

2. NHĨ NHẬP VỐN VÔ SANH

- A Nan! Ví như có người lấy hai ngón tay bịt chặt hai lỗ tai, do lỗ tai mỗi một, trong đầu hóa ra có tiếng; cả hai tai cùng cái mỗi một đó, đều là tướng ngó lâu mỗi một của tánh Bồ Đề. Do hai thứ vọng trần Động và Tĩnh hiện ra cái nghe, thu nạp cảnh trần, gọi là tánh nghe; tánh nghe này là Động và Tĩnh, vốn chẳng có tự thể.

- A Nan nên biết! Cái nghe này chẳng từ động tịnh ra, chẳng từ tai ra, cũng chẳng từ hư không ra. Tại sao? Nếu cái nghe từ chỗ tịnh ra, thì khi động, cái nghe đã theo tịnh diệt, lẽ ra chẳng thể nghe động; nếu từ chỗ động ra, thì khi tịnh, cái nghe đã theo động diệt, lẽ ra chẳng biết được tịnh. Nếu từ lỗ tai ra thì chẳng có động tịnh, vậy biết cái nghe vốn chẳng có tự tánh. Nếu từ hư không ra, hư không đã thành tánh nghe thì chẳng phải hư không; lại hư không tự nghe, có liên quan gì chỗ nhập của

ngươi? Vậy biết Nhĩ Nhập hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

3. TỶ NHẬP VỐN VÔ SANH

- A Nan! Ví như có người hít mạnh hai lỗ mũi, hít lâu mỗi một, thì trong lỗ mũi có xúc giác thấy mát. Do xúc giác phân biệt thông, nghẽn, hư, thật, cho đến các mùi thơm thối, cùng lỗ mũi và cái hít lâu mỗi một đó, đều là tướng ngó lâu mỗi một của tánh Bồ Đề. Do hai thứ vọng trần Thông và Nghẽn, hiện ra cái ngữ, thu nạp cảnh trần, gọi là tánh ngữ!

Cái người này lìa thông và nghẽn vốn chẳng có tự thể.

- A Nan nên biết! Cái người này chẳng từ thông nghẽn ra, chẳng từ lỗ mũi ra, cũng chẳng từ hư không ra. Tại sao? Nếu từ chỗ thông ra, thì khi nghẽn, cái người đã mất, làm sao biết nghẽn? Nếu từ nghẽn ra, thì khi thông, chẳng còn cái người, làm sao biết các mùi thơm thối? Nếu từ lỗ mũi ra, thì chẳng có thông nghẽn, vậy biết cái người vốn chẳng có tự tánh. Nếu từ hư không ra, thì hư không phải người

lỗ mũi của người; lại hư không tự người, có liên quan gì chỗ nhập của người? Vậy biết Tỷ Nhập hư vọng vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

4. THIỆT NHẬP VỐN VÔ SANH

- A Nan! Ví như có người dùng lưỡi liếm mép, liếm mãi mỗi mệt, người có bệnh thấy có vị đắng, người chẳng bệnh thấy có chút vị ngọt, do vị giác thấy ngọt và đắng, tỏ rõ cái lưỡi lúc chưa phát dụng vốn chẳng có vị giác. Cả cái lưỡi cùng cái mỗi mệt

đó, đều là tướng ngó lâu mỗi mệ̣t của tánh Bồ Đề. Do hai thứ vọng trần Ngọt và Đắng, hiện ra vị giác, thu nạp cảnh trần gọi là tánh nếm; tánh nếm này lìa ngọt và đắng vốn chẳng có tự thể.

- A Nan nên biết! Cái biết đắng biết ngọt này chẳng từ ngọt đắng ra, chẳng từ lười ra, cũng chẳng từ hư không ra. Tại sao? Nếu từ đắng ra, thì khi ngọt, tánh nếm đã diệt, làm sao biết ngọt? Nếu từ ngọt ra, thì khi đắng, tánh nếm đã diệt, làm sao biết đắng? Nếu từ lười ra thì chẳng có ngọt đắng, vậy

biết vị giác vốn chẳng có tự tánh. Nếu từ hư không ra, thì hư không tự ném chứ chẳng phải người ném; lại, hư không tự ném, có liên quan gì đến chỗ nhập của người? Nên biết Thiết Nhập hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

5. THÂN NHẬP VÔN VÔ SANH

- A Nan! Ví như có người dùng bàn tay lạnh tiếp xúc với bàn tay nóng, nếu bên lạnh nhiều hơn thì bên nóng cũng thành lạnh theo; nếu bên nóng nhiều

hơn thì bên lạnh cũng thành nóng theo, cái xúc giác của hai tay hợp lại là nhờ khi hai tay rời ra mới được biết rõ, sờ dĩ thể nóng nhiều liền theo nóng, thể lạnh nhiều liền theo lạnh, là do nơi xúc giác mỗi một mà thành. Cả cái thân và cái mỗi một đó, đều là tướng ngó lâu mỗi một của tánh BỒ ĐỀ. Do hai thứ vọng trần Ly và Hợp, hiện ra xúc giác, thu nạp cảnh trần, gọi là tánh xúc giác; tánh xúc giác này là sự ly, hợp, thuận, nghịch vốn chẳng có tự thể.

- A Nan nên biết! Xúc giác này chẳng từ ly hợp ra, chẳng từ thuận nghịch ra, chẳng từ thân thể ra, cũng chẳng từ hư không ra. Tại sao? Nếu từ hợp ra, thì khi ly, tánh xúc giác đã diệt, làm sao biết ly? Đối với hai tướng thuận nghịch thì cũng như vậy. Nếu từ thân thể ra thì chẳng có ly, hợp, thuận, nghịch, vậy biết xúc giác của người vốn chẳng có tự tánh. Nếu từ hư không thì hư không tự hay biết, có liên quan gì đến chỗ nhập của người? Nên biết Thân Nhập hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

6. Ý NHẬP VỐN VÔ SANH

- A Nan! Ví như có người mệt nhọc thì ngủ, ngủ đã bèn thức, gặp cảnh thì nhớ, không nhớ thì quên, như cảnh mộng giả dối cho là chơn thật, ấy là điên đảo. Các tướng sanh, trụ, dị, diệt, tùy duyên thay đổi từng sát na, chẳng vượt khỏi nhau. Gom sự hiểu biết trong đó thành tướng mỗi một; cả ý căn cùng cái mỗi một đó, điều là tướng ngó lâu mỗi một của tánh Bồ Đề.

- Do hai thứ vọng trần Sanh và Diệt, vọng khởi pháp trần bên trong, thành cái biết của ý căn. Ý căn như dòng nước, sự trước mắt nhờ tai mắt thấy nghe tiền trần bên ngoài là thuận lưu (đồng thời ý thức); sự tương nhớ chẳng nhờ tai mắt được thấy nghe pháp trần bên trong là nghịch lưu (độc đầu ý thức), khi chảy ngược vào chỗ tai mắt chẳng thể đến (sự vật đã qua hoặc cách xa), chỉ có ý căn mới biết, gọi là tánh hay biết của ý căn; tánh hay biết này là thức, ngủ, sanh, diệt, vốn chẳng có tự thể.

- A Nan nên biết! Cái hay biết của ý căn chẳng từ thức ngủ ra, chẳng từ sanh diệt ra, chẳng từ ý căn ra, cũng chẳng từ hư không ra. Tại sao? Nếu từ thức ra, thì khi ngủ, ý căn đã theo thức diệt, lấy gì để biết ngủ? Nếu từ sanh mà ra, thì khi diệt đồng như không, ai biết sự diệt? Nếu từ diệt ra thì khi sanh đã không có, ai biết sự sanh? Nếu từ ý căn ra thì chẳng có tướng thức, ngủ, vậy cái hay biết của ý căn đồng như hoa đóm trên không, vốn chẳng có tự tánh. Nếu từ hư không ra, thì hư không tự biết, có liên quan gì đến chỗ nhập của người? Nên biết, Ý

Nhập hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên,
cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

THẬP NHỊ XỨ

- Lại nữa A Nan! Sao nói Thập Nhị Xứ vốn là
Như Lai Tạng, cũng là diệu tánh Chơn Như?

1. NHÃN CĂN VỚI SẮC TRẦN VÔN VÔ SANH

- A Nan! Người hãy xem rừng cây và các suối
ao trong vườn Kỳ Đà này, ý người thế nào? Ấy là

sắc trần sanh ra nhãn căn, hay nhãn căn sanh ra sắc tướng?

- A Nan! Nếu nhãn căn sanh ra sắc tướng, vậy khi nhìn hư không chẳng phải sắc tướng, thì tánh sắc phải mất; hễ mất thì tất cả chẳng có, sắc tướng chẳng có thì làm sao rõ được tánh không? Sự không cũng như thế.

- Lại, nếu sắc trần sanh ra nhãn căn, thì khi nhìn hư không chẳng phải sắc, nhãn căn liền mất, nhãn căn đã mất thì lấy gì để phân biệt Sắc và Không.

- Nên biết sự thấy và sắc không đều chẳng xứ sở, tức sắc trần và sự thấy, hai xứ đều hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

2. NHĨ CĂN VỚI THANH TRẦN VÓN VÔ SANH

- A Nan! Người lại nghe trong vườn Kỳ Đà này, khi đến bữa ăn thì đánh trống, khi họp chúng thì đánh chuông, tiếng chuông tiếng trống trước sau

nói nhau. Ý người thế nào? Ấy là cái tiếng đến bên
nhĩ căn, hay nhĩ căn đến chỗ cái tiếng?

- A Nan! Nếu cái tiếng đến bên nhĩ căn, cũng
như ta khát thực trong thành Thất La Phiệt, ở trong
rừng Kỳ Đà chẳng có ta. Cái tiếng này ắt phải đến
chỗ nhĩ căn của A Nan, thì Mục Liên, Ca Diếp đều
chẳng thể cùng nghe, huống là trong này có 1250
vị Sa Môn, đồng nghe tiếng chuông cùng đến trai
đường!

- Nếu nhĩ căn của người đến bên cái tiếng, cũng như ta đã về rừng Kỳ Đà, trong thành Thất La Phiệt chẳng có ta. Vậy khi người nghe tiếng trống, nhĩ căn đã đến chỗ đánh trống rồi, khi ấy tiếng chuông đồng phát ra, thì chẳng thể cùng nghe một lượt, huống là các tiếng voi, ngựa, trâu, dê v.v... Nếu nhĩ căn và cái tiếng chẳng khứ lai thì cũng chẳng thể nghe.

- Nên biết, sự nghe và âm thanh đều chẳng xứ sở, tức sự nghe và âm thanh hai xứ đều hư vọng,

vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

3. TỶ CĂN VỚI HƯƠNG TRẦN VÓN VÔ SANH

- A Nan! Người hãy nghĩ mùi hương chiên đàn trong lư này, hương này nếu đốt đến một thù (độ một chỉ), thì thành Thất La Phiệt trong 40 dặm, đồng thời nghĩ được mùi hương. Ý người thế nào? Mùi hương này từ cây chiên đàn ra, từ tỷ căn ra, hay từ hư không ra?

- Nếu mùi hương này từ tỳ căn của người ra thì tỳ căn chẳng phải chiêm đàn, tại sao trong tỳ căn lại có mùi hương chiêm đàn, mà gọi là người ngửi được mùi hương? Lại trong tỳ căn phát ra mùi hương, mà nói là người được thì chẳng đúng nghĩa.

- Nếu từ hư không ra, thì tánh hư không thường còn, mùi hương cũng phải thường có, đâu cần đợi đốt cây chiêm đàn trong lư rồi mới có mùi hương?

- Nếu mùi hương từ cây chiêm đàn ra, tức là chất hương này do đốt thành khói, tỳ căn ngửi được là

nhờ hơi khói, thì tại sao khói ấy bay lên trên hư không chưa được bao xa, mà trong 40 dặm đã người được mùi hương?

- Nên biết mùi hương và cái người đều chẳng xứ sở, tức cái người và mùi hương hai xứ đều hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

4. THIỆT CĂN VỚI VỊ TRẦN VỐN VÔ SANH

- A Nan! Người thường hai thời ở trong chúng ôm bình bát khát thực, đôi lúc gặp những món tô, lạc, đề hồ, gọi là vị ngon, ý người thế nào? Mùi vị từ hư không ra, từ thiệt căn ra, hay từ đồ ăn ra?

- A Nan! Nếu mùi vị này từ thiệt căn của người ra, thì trong miệng người chỉ có một thiệt căn, thiệt căn bấy giờ đã thành vị tô rồi, nếu gặp đường phèn, lẽ ra vị tô chẳng dờ² dỏi; nếu chẳng dờ² dỏi thì chẳng được nói là biết mùi vị, còn nếu dờ² dỏi thì

thiệt căn chẳng phải nhiều thể, làm sao một thiệt căn lại biết được nhiều mùi vị?

- Nếu từ đồ ăn ra, thì đồ ăn chẳng tri giác, làm sao tự biết được mùi vị? Lại đồ ăn tự biết thì cũng đồng như người khác ăn, có liên quan gì đến người mà gọi là tánh biết vị của người?

- Nếu từ hư không ra, thì người hãy ném thử hư không xem là mùi vị gì? Hư không nếu là vị mặn, thì đã làm mặn thiệt căn của người, ắt phải làm mặn mặt người, và mọi người trong cõi này đều như cá

biên, đã thường chịu cái mặn, chẳng còn biết thế nào là lạt nữa; và nếu chẳng biết lạt, thì cũng chẳng phân biệt được mặn. Nếu chẳng biết mặn lạt, thì làm sao gọi là biết mùi vị?

- Nên biết, mùi vị và sự nếm đều chẳng có xứ sở, tức nếm và mùi vị hai xứ đều hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

5. THÂN CĂN VỚI XÚC TRẦN VỐN VÔ SANH

- A Nan! Người thường buổi sáng lấy tay xoa đầu, ý người thế nào? Cái xúc giác khi xoa đầu này từ đâu mà ra? Từ nơi tay hay từ nơi đầu?

- Nếu từ nơi tay thì cái đầu chẳng biết, làm sao thành có xúc giác? Nếu từ nơi đầu mà chẳng dùng tay thì làm sao gọi là xúc giác được? Nếu cả hai mỗi mỗi tự có xúc giác, thì một mình người phải có hai thân.

- Nếu đầu và tay chỉ một xúc giác sanh ra, thì đầu và tay thành một thể; nếu một thể thì xúc giác ở bên nào? Ở bên năng thì chẳng ở bên sở, ở bên sở thì chẳng ở bên năng, chẳng lẽ hư không và người mà thành lập được cái xúc giác đó ư?

- Nên biết, xúc giác và thân căn đều chẳng xứ sở, tức cái thân và xúc giác hai xứ đều hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

6. Ý CĂN VỚI PHÁP TRẦN VỐN VÔ SANH.

- A Nan! Người thường dùng ý thức duyên theo ba tánh thiện, ác và vô ký, sanh khởi pháp trần. Vậy pháp trần này từ nơi tâm ra, hay là tâm riêng có phương sở?

- A Nan! Nếu từ tâm ra thì pháp trần chẳng phải cảnh trần, chẳng phải là cái sở duyên của tâm, làm sao thành xứ được?

- Nếu là tâm riêng có phương sở, thì tự tánh của pháp trần là biết hay chẳng biết? Biết tức gọi là tâm,

tâm này là tâm người thì chẳng phải pháp trần của người biết, đồng như tâm của người khác; nếu là tâm người lại còn có tâm biết, thì tâm người thành hai sao? Nếu chẳng biết thì pháp trần này đã chẳng phải sắc, thanh, hương, vị, ly, hợp, lạnh, nóng và tướng hư không, thì phải ở chỗ nào? Hiện nay nơi sắc, không đều chẳng thể nêu ra, chẳng lẽ trong thế gian lại có cái ở ngoài hư không ư? Lại tâm chẳng phải sở duyên thì xứ từ đâu mà an lập?

- Nên biết, pháp trần và tâm đều chẳng có xứ sở, tức ý căn và pháp trần hai xứ đều hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

THẬP BÁT GIỚI

- Lại nữa A Nan! Sao nói Thập Bát Giới vốn là Như Lai Tạng, cũng là diệu Tánh Chơn Như?

1. NHÃN CĂN, SẮC TRẦN, NHÃN THỨC
GIỚI VỐN VÔ SANH

- A Nan! Như người đã rõ, nhãn căn và sắc trần làm duyên với nhau, sanh ra nhãn thức. Vậy thức này là từ nhãn căn ra, lấy nhãn căn làm giới; hay từ sắc trần ra, lấy sắc trần làm giới?

- A Nan, nếu từ nhãn căn ra mà chẳng có Sắc Không thì chẳng thể phân biệt, dầu cho có cái thức của người cũng chẳng dùng được. Sự thấy của người chẳng phải xanh, vàng, đỏ, trắng, chẳng thể nêu ra, vậy từ đâu để lập giới?

- Nếu từ sắc trần ra, hư không chẳng phải sắc trần thì thức người phải diệt, sao được biết tánh hư không? Nếu lúc sắc trần biến đổi, thức người cũng biết sắc trần biến đổi, mà thức người chẳng biến, vậy giới từ đâu mà an lập? Theo sự biến đổi là biến đổi, giới tướng vốn chẳng có; chẳng biến đổi thì thường còn, thức đã từ sắc trần ra, lẽ ra chẳng biết được chỗ hư không?

- Nếu do căn trần cộng sanh cái giới ở giữa, khi căn trần hợp lại thì chẳng thể lập giới, tức là là

trung; khi lìa căn thì phải hợp trần, lìa trần thì phải hợp căn, vậy thể tánh lẫn lộn, làm sao thành giới?

- Nên biết, nhãn căn và sắc trần làm duyên với nhau, sanh nhãn thức giới, ba chỗ đều không tức nhãn căn, sắc trần và nhãn thức giới, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

LƯỢC GIẢI

Thập Bát Giới này chỉ phá lục thức, nên nói Thức này chẳng từ Nhân ra để làm giới, vì thức chủ phân biệt, nếu chẳng có Sắc, Không thì chẳng thể phân biệt. Cũng chẳng từ Sắc ra để làm giới, vì sắc có biến diệt, thức chẳng biến đổi, nếu chỉ từ Sắc ra thì chẳng thể phân biệt hư không. Cũng chẳng từ Nhân và Sắc cộng sanh làm giới, vì nhân thì có biết, sắc thì vô tri, tri và vô tri hai cái đối nghịch, làm sao mà hợp? Nếu hợp thì từ đâu mà lập giới? Giới chính giữa đã chẳng có, nên nói Lìa Trung. Nếu nói lìa căn trần mà sanh thức, thì lìa căn phải hợp với

trần, lìa trần phải hợp với căn, vậy thức thuộc bên nào? Nên nói thể tánh lẫn lộn, ba chỗ đều sai, giới làm sao an lập?

2. NHĨ CĂN, THANH TRẦN, NHĨ THỨC
GIỚI VÔN VÔ SANH.

- A Nan! Như người đã rõ, nhĩ căn, thanh trần làm duyên với nhau, sanh ra nhĩ thức. Vậy thức này

từ nhĩ căn ra, lấy nhĩ căn làm giới; hay từ thanh trần ra, lấy thanh trần làm giới?

- A Nan! Nếu từ nhĩ căn ra, mà chẳng có hai tướng động tịnh thì chẳng thành cái biết của nhĩ căn, tức chẳng có biết, biết còn chẳng có, vậy cái thức là hình tướng gì?

- Nếu do lỗ tai nghe thì lúc chẳng có động tịnh, cái nghe chẳng thành, chỉ có hình tướng của lỗ tai, cũng như sắc trần tiếp xúc với thanh trần, cả hai

đều chẳng có thức để phân biệt thì nhĩ thức giới từ đâu mà lập?

- Nếu từ thanh trần ra, nhĩ thức do thanh trần mà có, thì chẳng liên quan gì đến cái nghe, chẳng nghe thì cũng chẳng biết tướng thanh trần ở đâu. Lại, nếu nhĩ thức từ thanh trần ra dầu cho thanh trần do cái nghe mà có tướng, thì cái nghe phải nghe được nhĩ thức, nếu chẳng nghe được thì chẳng phải là giới, nếu nghe được thì thức cũng đồng như thanh trần, và thức đã là sở nghe thì ai biết nghe cái thức? Còn

nếu chẳng biết thì đồng như cỏ cây. Chẳng lẽ thanh trần và cái nghe lẫn lộn, thành giới ở giữa? Giới chính giữa đã chẳng có, tướng trong và ngoài từ đâu mà lập?

- Nên biết, nhĩ căn, thanh trần làm duyên với nhau, sanh nhĩ thức giới, ba chỗ đều không, tức nhĩ căn, thanh trần và nhĩ thức giới, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

3. TỶ CĂN, HƯƠNG TRẦN, TỶ THỨC GIỚI
VỐN VÔ SANH

- A Nan, như người đã rõ, tử căn, hương trần làm duyên với nhau, sanh ra tử thức. Vậy thức này từ tử căn ra, lấy tử căn làm giới; hay từ hương trần ra, lấy hương trần làm giới?

- A Nan! Nếu từ tử căn ra, thì trong tâm người lấy gì làm tử căn? Lấy cái mũi bằng thịt hay lấy tánh người biết?

- Nếu lấy cái mũi bằng thịt này thì chất thịt thuộc thân căn, thân biết tức là xúc giác, gọi là thân thì

chẳng phải tử căn; gọi là xúc giác tức là ngoại trần, vậy tử căn còn chẳng có tên gọi, làm sao lập giới?

- Nếu lấy tánh người biết làm tử căn, thì trong tâm người lấy gì làm cái có người biết? Nếu lấy lỗ mũi bằng thịt này, thì cái biết của da thịt là xúc trần chứ chẳng phải tử căn; nếu lấy hư không làm tánh người biết, thì hư không tự biết, còn da thịt lẽ ra chẳng biết, thế thì hư không là người, thân người chẳng có biết thì hiện nay người cũng chẳng còn ở đây nữa.

- Nếu lấy hương trần làm tánh người biết, thì cái biết thuộc về hương trần, có liên quan gì đến người?

- Nếu các mùi thơm thối ắt phải từ tử căn ra, thì mùi thơm, thối chẳng từ cây y lan và cây chiên đàn ra, khi hai mùi đó chẳng đến, người tự người tử căn xem là thơm hay thối? Thối thì chẳng thơm, thơm thì chẳng thối, nếu cả hai đều người được, thì một mình người phải có hai tử căn, và nay hỏi đạo với ta phải có hai A Nan, vậy ai là thể của người? Còn

nếu tử căn là một, thom thối không hai, thì thối đã thành thom, thom phải thành thối, hai tánh đã chẳng có, giới từ đâu lập?

- Lại như con mắt có thấy mà chẳng tự thấy mắt. Cũng vậy, nếu thức do hương trần ra, thì đáng lẽ chẳng biết được hương trần. Nếu biết được thì chẳng phải do hương trần ra; nếu chẳng biết thì lại chẳng phải là tử thức.

- Hương trần chẳng phải nhờ người biết mới có thì cái giới của hương trần chẳng thành; thức chẳng

biết hương trần thì giới chẳng thể do hương trần mà lập, đã chẳng có giới chính giữa thì chẳng thành trong ngoài, và tất cả những gì người được đều là hư vọng.

- Nên biết, tử căn, hương trần làm duyên với nhau, sanh tử thức giới, ba chỗ đều không, tức tử căn, hương trần, tử thức giới, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

4. THIỆT CĂN, VỊ TRẦN, THIỆT THỨC GIỚI VÔN VÔ SANH

- A Nan! Như người đã rõ, thiết căn, vị trần làm duyên với nhau, sanh ra thiết thức, vậy thức này từ thiết căn ra, lấy thiết căn làm giới; hay từ vị trần ra, lấy vị trần làm giới?

- A Nan! Nếu từ thiết căn ra, thì các thứ trên thế gian như mía ngọt, mơ chua, hoàng liên đắng, muối mặn, té tân, gừng, quế thì cay, tất cả đều chẳng mùi vị, người tự nếm lưỡi là ngọt hay đắng? Nếu tánh

của thiệt căn là đấng thì ai biết ném thiệt căn? Thiệt căn chẳng tự ném thì lấy gì để biết? Tánh của thiệt căn chẳng phải đấng, vị trần cũng chẳng tự ra, làm sao lập giới?

- Nếu từ vị trần ra, thức đã là mùi vị thì cũng đồng như thiệt căn, chẳng thể tự ném, làm sao biết được là mùi vị hay chẳng phải mùi vị? Lại các mùi vị chẳng từ một vật mà ra, mùi vị đã do nhiều thứ sanh ra, thì thức cũng phải có nhiều thể. Thể của thức nếu một, ắt phải do một vị trần sanh ra, thì khi

các vị mặn, ngọt, chua, cay hòa hợp cùng sanh, các tướng khác nhau biến đổi thành một mùi vị thì chẳng thể phân biệt; phân biệt đã không thì chẳng gọi là thức, làm sao còn gọi là thiệt thức giới? Chẳng lẽ hư không lại sanh ra cái thức của người? Nếu thiệt căn và vị trần hòa hợp mà sanh, nơi giữa vốn chẳng có tự tánh thì giới từ đâu mà lập?

- Nên biết, thiệt căn, vị trần làm duyên với nhau, sanh thiệt thức giới, ba chỗ đều không, tức thiệt

căn, vị trần, thiết thức giới, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

5. THÂN CĂN, XÚC TRẦN, THÂN THỨC GIỚI VỐN VÔ SANH

- A Nan, như người đã rõ, thân căn, xúc trần làm duyên với nhau, sanh ra thân thức. Vậy thức này từ thân căn ra, lấy thân căn làm giới; hay từ xúc trần ra, lấy xúc trần làm giới?

- A Nan! Nếu từ thân căn ra, ắt chẳng có hai duyên ly và hợp, chẳng có ly hợp thì thân căn làm

sao biết được? Nếu từ xúc trần ra, ắt chẳng phải thân căn của người, vậy có ai chẳng có thân mà biết ly và hợp ư?

- A Nan! Nếu vật chẳng xúc giác, thân biết có xúc, biết thân tức là xúc, biết xúc tức là thân, tức xúc chẳng phải thân, tức thân chẳng phải xúc, hai tướng thân căn và xúc trần vốn chẳng xứ sở, hợp thân tức là tự thể của thân, lìa thân tức như tướng hư không, trong và ngoài chẳng thành thì chính

giữa từ đâu lập? Giữa chẳng thể lập thì trong ngoài tánh không, vậy thức người từ đâu mà lập?

- Nên biết thân căn, xúc trần làm duyên với nhau, sanh thân thức giới, ba chỗ đều không, tức thân căn, xúc trần và thân thức giới, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

6. Ý CĂN, PHÁP TRẦN, Ý THỨC GIỚI VỐN VÔ SANH

- A Nan! Như người đã rõ, ý căn, pháp trần làm duyên với nhau, sanh ra ý thức. Vậy thức này từ ý

căn ra, lấy ý căn làm giới; hay từ pháp trần ra, lấy pháp trần làm giới?

- A Nan! Nếu từ ý căn ra, thì trong ý người ấy phải có suy tư mới phát minh được ý người; nếu chẳng suy tư thì ý chẳng thể sanh, là duyên thì chẳng có hình tướng, vậy thức dùng để làm gì? Thức của người với sự suy tư và tánh hiểu biết là đồng hay khác? Nếu đồng với ý tức là ý căn, sao nói từ ý căn ra? Nếu khác với ý thì chẳng phải ý căn, chẳng phải ý căn thì không có năng biết, năng

không ắt sở cũng không, nếu không có sở biết thì sao nói từ ý căn ra? Nếu có sở biết thì làm sao biết ý căn? Vậy hai tánh đồng và dị đã chẳng có thì giới từ đâu lập?

- Nếu từ pháp trần ra, thì các pháp trong thế gian chẳng ngoài ngũ trần, người hãy xét xem, các pháp sắc, thanh, hương, vị, xúc đều có tướng rõ ràng để đối với ngũ căn, chẳng thuộc phạm vi của ý căn, nếu thức người nhất định từ pháp trần ra, thì người hãy xét kỹ hình tướng của mỗi pháp như thế nào?

Nếu lìa sắc, không, thông, nghẽn, ly, hợp và sanh, diệt, ngoài các tướng này chẳng có sở đắc, sanh thì các pháp sắc, không cùng sanh, diệt thì các pháp sắc, không cùng diệt, vậy cái nhân sanh ra đã không, làm sao có thức? Thức đã chẳng có, giới từ đâu lập?

- Nên biết ý căn, pháp trần làm duyên với nhau sanh ra ý thức giới, ba chỗ đều không, tức ý căn, pháp trần, ý thức giới vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

A Nan bạch Phật:

- Như Lai thường giảng về nhân duyên hòa hợp rằng: "Tất cả các thứ biến hóa trên thế gian đều do tứ đại hòa hợp mà sanh", sao Như Lai lại bác bỏ cả hai nghĩa nhân duyên và tự nhiên? Nay con chẳng biết nghĩa này thế nào, xin Phật thương xót, khai thị pháp liễu nghĩa chẳng hý luận của trung đạo cho con và chúng sanh được rõ.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn bảo A Nan:

- Trước đây, người nhầm chán các pháp Tiểu Thừa Thanh Văn, Duyên Giác, phát tâm cầu đạo Vô Thượng Bồ Đề nên ta vì người khai thị Đệ Nhất Nghĩa Đế, sao người lại còn đem những hý luận của thế gian, vọng tưởng cho là nhân duyên mà tự ràng buộc? Người dù học rộng nghe nhiều, như người chỉ dùng miệng nói thuốc, khi thuốc thật hiện tiền thì lại chẳng biết, Như Lai gọi là thật đáng thương xót. Nay người hãy nghe kỹ, ta sẽ vì người khai thị từng lớp một, cũng khiến những người tu đại thừa sau này thông đạt được thật tướng.

A Nan yên lặng kính vâng thánh chỉ của Phật.

- A Nan! Như người đã nói, tứ đại hòa hợp sanh ra các thứ biến hóa trên thế gian. A Nan, nếu thể tánh của tứ đại chẳng phải hòa hợp thì chẳng thể lẫn lộn nhau, cũng như hư không, chẳng thể hòa hợp với các sắc tướng; nếu là hòa hợp thì đồng như biến hóa, đầu đuôi duyên nhau, sanh diệt tương tục, sanh rồi diệt, diệt rồi sanh, sanh sanh diệt diệt như vòng lửa quay tròn. A Nan, cũng như nước thành băng, băng lại thành nước, chẳng hề ngừng nghỉ.

THẤT ĐẠI

1. TÁNH ĐỊA ĐẠI VỐN VÔ SANH

- Người xem tánh Địa, thô là đại địa, tế là vi trần, cho đến cực vi là lân hư trần, là sắc tướng nhỏ tột, nếu phân tách nữa thì thành tánh hư không.

- A Nan, nếu cái lân hư trần đó tách được thành hư không, thì hư không cũng sanh được sắc tướng. Nay người hỏi rằng, do hòa hợp mà sanh các tướng biến hóa trên thế gian, thì người hãy xét, cái lân hư

trần này phải dùng bao nhiêu hư không hợp lại mới có? Chẳng lẽ lân hư trần hợp thành lân hư trần? Lại lân hư trần đã tách thành hư không, thì dùng bao nhiêu sắc tướng hợp lại mới được thành hư không? Nếu lúc hợp sắc, sắc chẳng phải hư không; nếu lúc hợp không, hư không chẳng phải là sắc, sắc còn có thể tách ra được, chứ hư không làm sao mà hợp?

- Người vốn chẳng biết, trong Như Lai Tạng (Tự tánh), tánh Sắc chơn Không (thể tánh của Sắc chẳng phải thật, tức là Chơn Không), tánh Không

chơn Sắc (thể tánh của Không chẳng phải thật, tức là Chơn Sắc), tự tánh vốn thanh tịnh, đầy khắp mười phương pháp giới, tùy theo mức độ hiểu biết của tâm chúng sanh tạo thành nghiệp, và nương theo nghiệp ấy biến hiện các cảnh giới hiện hữu. Người thế gian chẳng biết những hiện tượng đó chỉ là mở mắt chiêm bao, lại mê lầm cho là nhân duyên và tự nhiên, ấy đều là do tâm thức phân biệt suy lường. Phạm là lời nói đều chẳng phải nghĩa thật.

2. TÁNH HÓA ĐẠI VỐN VÔ SANH

- A Nan! Tánh Hỏa chẳng có tự thể, nhờ các trợ duyên mà phát sanh. Người xem các nhà, khi muốn nhóm lửa nấu cơm thì cầm tấm kiếng đưa dưới ánh sáng mặt trời mà lấy lửa.

- A Nan! Cái gọi là hòa hợp, cũng như ta cùng người và 1250 vị Tỳ Kheo, nay hợp thành một chúng; chúng dù là một, xét về căn bản thì mỗi người đều có thân riêng biệt, có tên gọi và họ hàng của mình, như Xá Lợi Phất thuộc dòng Bà La Môn,

Ưu Lô Tần Loa thuộc dòng Ca Diếp Ba, cho đến người thì thuộc dòng họ Cù Đàm.

- A Nan! Nếu tánh lửa này do hòa hợp mà có, thì khi người cầm kiếng lấy lửa nơi ánh sáng mặt trời, lửa này từ trong kiếng ra, từ bụi nhụi ra, hay từ mặt trời ra?

- A Nan! Nếu lửa từ mặt trời ra, đốt được bụi nhụi trong tay người ấy, thì những rừng cây mà ánh sáng mặt trời chiếu qua, lẽ ra đều bị đốt cả. Nếu từ trong kiếng ra, có thể đốt cháy bụi nhụi, sao cái

kiếng lại không chảy? Cả cái tay người cầm kiếng còn chẳng thấy nóng thì làm sao kiếng lại chảy được? Nếu do bụi nhụi ra thì cần gì ánh sáng mặt trời với kiếng tiếp xúc nhau rồi mới có lửa?

- Người lại xét kỹ, kiếng do tay cầm, mặt trời thì ở trên không, còn bụi nhụi thì từ đất sanh ra, vậy lửa từ phương nào mà đi đến chỗ này? Mặt trời và kiếng cách xa nhau, chẳng hòa chẳng hợp, chẳng lẽ tánh lửa khi không tự có?

- Người còn chẳng biết, trong Như Lai Tạng, tánh hỏa chơn không, tánh không chơn hỏa, tự tánh vốn thanh tịnh, đầy khắp mười phương pháp giới, tùy theo mức độ hiểu biết của tâm chúng sanh tạo thành nghiệp và nương theo nghiệp ấy biến hiện các cảnh giới hiện hữu. A Nan nên biết, người thế gian ở nơi này cầm kiếng thì nơi này bốc lửa; nếu khắp pháp giới đều cầm kiếng thì khắp pháp giới bốc lửa, lửa cháy khắp thế gian, đâu có xứ sở, chỉ tùy theo nghiệp thức của chúng sanh mà biến hiện. Người thế gian chẳng biết lại mê lầm cho là tánh

nhân duyên và tự nhiên ấy đều là do tâm thức phân biệt suy lường. Phạm là lời nói đều chẳng phải nghĩa thật.

3. TÁNH THỦY ĐẠI VỐN VÔ SANH

- A Nan! Tánh Thủy chẳng định, ngưng và chảy không chùng. Như trong thành Thất La Phiệt, các ông Ca Tỳ La, Chước Ca La và các nhà đại huyễn thuật Bát Đầu Ma Ha Tát Đa, khi muốn cầu Thái Âm Tinh để hòa các thuốc huyễn thuật, thì các ông ấy ở giữa đêm trăng sáng, tay cầm hạt châu, hứng

nước dưới ánh trăng. Vậy nước này từ hạt châu ra, từ hư không ra, hay từ mặt trăng ra?

- A Nan! Nếu từ mặt trăng ra, ánh trăng đã có thể từ phương xa làm cho hạt châu chảy nước, thì những rừng cây mà ánh trăng chiếu qua, lẽ ra đều phải chảy nước. Nếu chảy nước thì khỏi đợi hạt châu mới có nước chảy; nếu không chảy nước thì rõ ràng nước chẳng phải từ mặt trăng ra. Nếu từ hạt châu ra, thì trong hạt châu phải thường chảy nước, đâu cần đợi ánh trăng trong lúc nửa đêm? Nếu từ

hư không ra thì hư không vô tận, nước cũng vô biên, vậy từ cõi người đến cõi Trời đều bị chìm ngập cả, làm sao lại có các loài ở dưới nước, trên bờ và trên không?

- Người hãy xét kỹ, mặt trăng ở trên trời, hạt châu ở nơi tay, còn mâm đựng hạt châu hứng nước thì do người đặt ra, vậy nước từ phương nào mà chảy đến đây? Mặt trăng và hạt châu cách xa nhau, chẳng hòa chẳng hợp, chẳng lẽ nước khi không tự có?

- Người còn chẳng biết, trong Như Lai Tạng, tánh thủy chơn không, tánh không chơn thủy, tự tánh vốn thanh tịnh, cùng khắp mười phương pháp giới, tùy theo mức độ hiểu biết của tâm chúng sanh tạo thành nghiệp, và nương theo nghiệp ấy biến hiện các cảnh giới hiện hữu. Hễ nơi này cầm hạt châu thì nơi này chảy nước; khắp pháp giới cầm hạt châu thì khắp pháp giới chảy nước. Tánh thủy cùng khắp thế gian, đâu có xứ sở, chỉ theo nghiệp thức, của chúng sanh mà biến hiện. Người thế gian chẳng biết lại mê lầm cho là tánh nhân duyên và tự nhiên,

ấy đều là do tâm thức phân biệt suy lường. Phàm là lời nói đều chẳng phải nghĩa thật.

4. TÁNH PHONG ĐẠI VỐN VÔ SANH

- A Nan! Tánh Phong chẳng có tự thể, động tịnh không chừng.

- Người thường ở nơi chúng mà sửa áo, chéo áo Tăng Già Lê chạm đến người bên cạnh thì có chút gió phát qua mặt người kia, vậy gió này từ chéo áo Cà Sa ra, từ hư không ra, hay từ mặt người kia ra?

- A Nan! Nếu gió từ chéo áo Cà Sa ra thì người đã mặc luôn cả gió, lẽ ra cái áo phải tung bay ra, rời khỏi thân người. Nay ta rũ áo ở trong Hội này, người hãy xem cái áo ta, gió núp ở chỗ nào? Chẳng lẽ trong áo lại có chỗ chứa gió ư?

- Nếu gió từ hư không ra, khi cái áo người chẳng động, thì sao lại chẳng phát? Tánh hư không thường trụ thì gió phải thường sanh, vậy lúc chẳng gió, hư không phải diệt; gió diệt còn có thể thấy được, hư không diệt thì là hình tướng gì? Nếu có

sanh diệt thì chẳng gọi là hư không, đã gọi là hư không thì làm sao lại có gió ra?

- Nếu gió từ mặt người bị phát sanh ra, thì đã từ mặt người đó ra, lẽ ra phải phát lại người, sao tự người sửa áo mà phát ngược lại người kia?

- Người hãy xét kỹ; sửa áo do người, cái mặt thì thuộc người kia, hư không thì vắng lặng chẳng lay động, vậy gió từ phương nào dong ruổi đến đây? Tánh gió và tánh hư không khác nhau, chẳng hòa chẳng hợp, chẳng lẽ tánh gió khi không tự có ư?

- Người còn chẳng biết, trong Như Lai Tạng, tánh phong chơn không, tánh không chơn phong, tự tánh vốn thanh tịnh, cùng khắp mười phương pháp giới, tùy theo mức độ hiểu biết của tâm chúng sanh tạo thành nghiệp, và nương theo nghiệp ấy, biến hiện các cảnh giới hiện hữu. A Nan, như một mình người hơi động cái áo thì có chút gió ra, khắp pháp giới đều phát thì khắp pháp giới đều ra gió, tánh phong đầy khắp thế gian, đâu có xứ sở, chỉ theo nghiệp thức của chúng sanh mà biến hiện. Người thế gian chẳng biết, lại mê lầm cho là tánh

nhân duyên và tự nhiên, ấy đều là do tâm thức phân biệt suy lường. Phạm là lời nói đều chẳng phải nghĩa thật.

5. TÁNH KHÔNG ĐẠI VỐN VÔ SANH

- A Nan! Tánh Không vô hình, nhờ sắc tướng mới được hiển bày. Như trong thành Thất La Phiệt, chỗ cách xa sông, những dòng Sát Lî, Bà La Môn, Tỳ Xá, Thủ Đà, Phả La Đọa, Chiên Đà La v.v... khi dựng nhà xong, đào giếng lấy nước, đào ra một thước đất thì có một thước hư không; như vậy cho

đến đào ra một trượng đất thì lại được một trượng hư không, hư không sâu hay cạn là tùy theo đất đào ra được nhiều hay ít. Vậy hư không này từ đào đất ra, do đào mà có, hay vô nhân tự sanh?

- A Nan! Nếu hư không vô nhân tự sanh, thì khi chưa đào đất, sao nơi đó lại chẳng vô chương ngại, mà chỉ thấy đất liền, chẳng thấy trống rỗng?

- Nếu từ đào đất ra, thì khi đất ra, phải thấy hư không vào; nếu đất ra trước mà không thấy hư không vào, thì sao nói hư không từ đào đất mà ra?

Nếu chẳng ra vào thì hư không với đất vốn chẳng có khác, chẳng khác tức là đồng, thì lúc đào đất ra, hư không sao chẳng ra? Nếu do đào mà có, thì phải đào ra hư không, chứ chẳng phải đào ra đất; nếu chẳng do đào mà có, thì làm sao lại thấy hư không?

- Người hãy xét kỹ, đào do tay người vận động, đất theo sự đào mà dời chỗ, vậy hư không từ đâu mà ra? Đào thì có thật chất, hư không thì trống rỗng, chẳng tác dụng với nhau, chẳng hòa chẳng hợp, chẳng lẽ hư không khi không tự ra?

- Vậy, tánh hư không cùng khắp, vốn chẳng lay động. Nên biết hiện tiền địa, thủy, hỏa, phong và hư không gọi là Ngũ Đại, tánh chất viên dung, đều là Như Lai Tạng, vốn chẳng sanh diệt.

- A Nan! Tâm người mê muội, chẳng ngộ được tứ đại vốn là Như Lai Tạng, người hãy xem hư không là ra hay vào; hoặc chẳng ra vào? Người còn chẳng biết trong Như Lai Tạng, tánh giác chơn không, tánh không chơn giác, tự tánh vốn thanh tịnh, cùng khắp pháp giới, tùy theo mức độ hiểu

biết của tâm chúng sanh tạo thành nghiệp, và nương theo nghiệp ấy biến hiện các cảnh giới hiện hữu.

- A Nan, như đào một giếng thì ra một giếng hư không, vậy mười phương hư không cũng như thế, tánh Không cùng khắp mười phương, đâu có xứ sở, chỉ theo nghiệp thức của chúng sanh mà biến hiện. Người thế gian chẳng biết, lại mê lầm cho là tánh nhân duyên và tự nhiên, ấy đều là do tâm thức phân

biệt suy lường. Phạm là lời nói đều chẳng phải nghĩa thật.

6. TÁNH KIẾN ĐẠI VỐN VÔ SANH

- A Nan! Bồn kiến, Bồn giác vốn chẳng có năng tri sở tri, vì Sắc và Không mới có lập năng sở. Như người hôm nay ở vườn Kỳ Đà, ngày sáng đêm tối, nếu nửa đêm có trăng thì sáng, không trăng thì tối, do kiến tinh phân biệt nên có sáng và tối. Vậy kiến này với tướng sáng, tối và hư không, là một thể hay

chẳng phải một thể? Hoặc đồng, chẳng đồng? Hoặc khác, chẳng khác?

- A Nan! Nếu cái kiến này cùng với sáng, tối, hư không vốn là một thể, thì sáng và tối hai tướng nghịch nhau, khi sáng chẳng tối, khi tối chẳng sáng. Nếu cùng với tối đồng một thể thì khi sáng, cái kiến biến mất, hề cùng với sáng đồng một thể, thì khi tối, cái kiến ấy phải diệt, đã diệt thì lấy gì để thấy sáng thấy tối? Nếu sáng tối khác nhau, kiến chẳng sanh diệt thì đâu có thể nói là một thể được?

- Nếu cái kiến này cùng với sáng tối chẳng phải một thể, thì người lìa sáng, tối và hư không, phân tách cái kiến tinh xem là hình tướng gì? Lìa sáng, tối và hư không thì kiến tinh đồng như lông rùa sừng thỏ. Sáng, tối, hư không ba thứ đều khác biệt, vậy từ đâu mà lập kiến tinh? Sáng, tối nghịch nhau, làm sao nói đồng được? Lìa ba thứ vốn chẳng có, làm sao nói khác được? Hư không và kiến tinh vốn chẳng có ranh giới, làm sao nói chẳng đồng? Thấy sáng thấy tối, sở kiến thay đổi, làm sao nói chẳng khác?

- Người cần phải xem xét vi tế kỹ càng, xét tới cứu cánh triệt để. Sáng do mặt trời, tối do đêm không trăng, thông thuộc về hư không, nghẽn thuộc về đại địa, kiến tinh có giác, hư không vô tri, chẳng hòa chẳng hợp, vậy kiến tinh từ đâu mà ra? Chẳng lẽ khi không tự ra?

- Nên biết Kiến, Văn, Giác, Tri, thể tánh viên mãn cùng khắp mọi nơi, vốn chẳng lay động, với hư không vô biên chẳng động, và địa, thủy, hỏa,

phong, lay động, cùng gọi là Lục Đại, thể tánh viên dung, đều là Như Lai Tạng, vốn chẳng sanh diệt.

- A Nan! Người đánh mất tự tánh, chẳng ngộ kiến, văn, giác, tri của người vốn là Như Lai Tạng. Người hãy xem cái kiến, văn, giác, tri này là sanh hay diệt, là đồng hay dị, là chẳng sanh diệt hay chẳng đồng dị? Người còn chẳng biết, trong Như Lai Tạng, tánh kiến giác minh, giác tinh minh kiến (cái bản kiến là tự tánh vốn giác vốn minh, cái tinh thể của bản giác vốn minh vốn kiến), vốn tự nhiên

thanh tịnh, cùng khắp pháp giới, tùy theo mức độ hiểu biết của tâm chúng sanh tạo thành nghiệp, và nương theo nghiệp ấy mà biến hiện các cảnh giới hiện hữu. Như một "kiến tinh" thấy cùng pháp giới, cho đến tai nghe, mũi ngửi, miệng nếm, thân xúc, ý biết, sự diệu dụng rõ ràng viên mãn, cùng khắp mười phương pháp giới, đâu có xứ sở, chỉ theo nghiệp thức của chúng sanh biến hiện. Người thế gian chẳng biết, lại mê lầm cho là tánh nhân duyên và tự nhiên, ấy đều do tâm thức phân biệt suy lường. Phạm là lời nói đều chẳng phải nghĩa thật.

7. TÁNH THỨC ĐẠI VỐN VÔ SANH

- A Nan! Tánh của Thức vốn chẳng có nguồn gốc, duyên theo sáu thứ căn trần hư vọng mà sanh. Nay người hãy xem khắp thánh chúng trong hội này khi mới dùng con mắt lướt qua, chưa khởi phân biệt thì thấy chúng chỉ như bóng tượng trong gương, rồi tâm thức của người theo thứ tự phân biệt đây là Văn Thù, đây là Phú Lô Na, rồi tới Mục Kiền Liên, Tu Bồ Đề, Xá Lợi Phất v.v... Vậy sự biết

của thức này từ kiến tinh ra, từ sắc tướng ra, từ hư không ra, hay khi không vô nhân mà ra?

- A Nan! Giả sử thức của người từ kiến tinh ra, nếu chẳng có sáng tối và sắc không, thì chẳng có kiến tinh, kiến tinh còn chẳng có, vậy thức từ đâu mà ra?

- Nếu thức của người từ sắc tướng ra, chẳng từ kiến tinh ra, thì chẳng thấy sáng, cũng chẳng thấy tối, sáng tối đã chẳng thấy tức chẳng có sắc không, sắc tướng kia còn chẳng có thì thức do đâu mà ra?

- Nếu từ hư không ra, chẳng phải sắc tướng, cũng chẳng phải kiến tinh. Nếu chẳng phải kiến tinh thì chẳng thể phân biệt, tự nhiên không thể biết được các tướng sáng tối và sắc không. Nếu chẳng phải sắc tướng thì sở duyên diệt mất, vậy kiến, văn, giác, tri chẳng có chỗ an lập. Giữa hai thứ chẳng phải kể trên, nếu "không" thì thức đồng như chẳng có; nếu "có" thì thức đồng như các vật, dấu cho có thức của người cũng thành vô dụng.

LƯỢC GIẢI

Hư không vô hình, vốn chẳng có bản thể, nếu tâm thức từ hư không ra thì cũng giống như hư không, chẳng có bản thể để nương tựa, tức là thức chẳng phải sắc tướng, cũng chẳng phải kiến tinh. Giữa hai thứ chẳng phải kể trên, nếu cho là "không bản thể" thì thức đồng như không có; nếu cho là "có bản thể" thì thức đồng như các vật; vật thì vô tri, chẳng có tánh phân biệt, vậy dầu cho có thức cũng thành vô dụng.

- Nếu khi không vô nhân mà ra, thì sao chẳng cho mặt trời là mặt trăng?

- Người hãy suy xét kỹ càng, cái thấy phải nhờ mắt người, sắc tướng là cảnh của tiền trần; những gì có tướng mới thành có, chẳng tướng ắt thành không, như vậy thức từ đâu mà ra?

- Thức thì linh động, kiến tinh thì trong lặng, chẳng hòa chẳng hợp, kiến, văn, giác, tri đều như thế, chẳng lẽ thức khi không tự ra?

- Nếu thức này vốn chẳng từ chỗ nào ra, sự dụng của kiến, văn, giác, tri trạm nhiên viên mãn, tánh chẳng năng sở. Vậy địa, thủy, hỏa, phong, hư không và bốn kiến, bốn thức, gọi là Thất Đại, thể tánh chơn thật viên dung, ấy đều là Như Lai Tạng, vốn chẳng sanh diệt.

- A Nan! Tâm người vọng chấp, chẳng ngộ kiến, văn, giác, tri, vốn là Như Lai Tạng, người hãy xét sáu chỗ tâm thức này là đồng hay dị, là có hay không, là chẳng đồng dị hay chẳng có không?

- Người còn chẳng biết, trong Như Lai Tạng, tánh thức minh tri, giác minh chơn thức (tánh của bốn thức rõ ràng chơn tri, bốn giác vốn sáng tỏ là giác minh, phân biệt mà chẳng năng sở đối đãi là chân thức), diệu giác trạm nhiên, như như bất động, chẳng thể nghĩ lường được, đầy trù pháp giới, hiển bày khắp mười phương hư không đâu có xứ sở, tùy theo nghiệp của chúng sanh biến hiện các cảnh giới hiện hữu. Người thế gian chẳng biết, lại mê lầm cho là tánh nhân duyên và tự nhiên, ấy đều

là do tâm thức phân biệt suy lường. Phàm là lời nói đều chẳng phải nghĩa thật.

Bấy giờ, A Nan và đại chúng được sự khai thị vi diệu của Phật, thân tâm phẳng lặng, chẳng còn ngăn ngại, mỗi mỗi tự biết tâm thức cùng khắp mười phương, thấy mười phương hư không như xem các vật trong bàn tay; tất cả vật tượng trên thế gian đều vốn là tánh Bồ Đề sáng suốt của diệu tâm. Tâm tánh tròn đầy, cùng khắp mười phương, xem lại cái thân của cha mẹ sanh ra, như mảy bụi lông lơ trong

mười phương hư không thoát còn thoát mắt; như một bọt nước trôi trong biển cả, chẳng biết sanh diệt từ đâu. Rõ ràng tự biết được cái bản lai thường trụ chẳng diệt của diệu tâm, được pháp chưa từng có, nên chấp tay lễ Phật và nói kệ tán thán Phật rằng:

Diệu trạm tổng trì bất động tôn,
Thủ Lăng Nghiêm Vương thế hy hữu.
Tiểu ngã ức kiếp điên đảo tướng.
Bất lịch tăng kỳ hoạch pháp thân.

Nguyện kim đắc quả thành Bửu Vương
Hườn độ như thị hằng sa chúng.
Tương thử thâm tâm phụng trần sát,
Thị tắc danh vi báo Phật ân.
Phục thỉnh Thế Tôn vi chứng minh,
Ngũ trước ác thế thế tiên nhập.
Nhu nhất chúng sanh vị thành Phật,
Chung bất ư thử thủ nê hoàn,
Đại hùng đại lực đại từ bi,
Hy cánh thâm trừ vi tế hoặc.
Linh ngã tảo đặng vô thượng giác,

Ư thập phương giới tọa đạo tràng,
Thuần Nghĩa Đa tánh khả tiêu vong,
Thước Ca Ra tâm vô động chuyển.

Dịch nghĩa:

Trong lặng vạn năng chẳng động tịnh (1)
Lăng Nghiêm Đại Định đời hy hữu (2)

Tiêu điên đảo tướng từ vô thí,
Chẳng nhọc nhiều kiếp được Pháp thân.
Nguyên nay đắc quả thành Chánh Giác,
Độ thoát chúng sanh như hăng sa.

Hết lòng phụng sự vô số cõi,
Thế mới gọi là đèn ơn Phật,
Cúi xin Thế Tôn chứng minh cho,
Ngũ trược ác thế nguyện vào trước,
Nếu một chúng sanh chưa thành Phật,
Quyết chẳng tự mình chứng Niết Bàn,
Đại hùng đại lực đại từ bi,
Mong dứt trừ tập khí vi tế.
Khiến con mau đến Vô Thượng Giác,
Mười phương thế giới tọa đạo tràng.

Dầu cho hư không bị tiêu mất,
Bồn tâm kiên cố chẳng lay động.

GHI CHÚ:

(1) Trong lặng vạn năng chẳng động tịnh.

Tại sao "Diệu trạm tông trì bất động tôn" dịch là "Trong lặng vạn năng chẳng động tịnh"?

Chữ "Trạm" nghĩa là trong lặng chẳng động, nhưng chưa phải là "Diệu Trạm"; chẳng động chẳng tịnh cũng chẳng trụ nơi chẳng động tịnh, mới được gọi là "Diệu Trạm".

Tổng nhất thiết pháp, trì nhất thiết nghĩa, tổng trì tất cả pháp nghĩa, nên nói là "Vạn Năng" vậy.

(2) Lăng Nghiêm Đại Định đời hy hữu:

Tại sao "Thủ Lăng Nghiêm Vương" dịch là "Lăng Nghiêm Đại Định"? Vì Thủ Lăng Nghiêm chỉ là tên của Kinh, Kinh đã phổ biến trên đời thì chẳng phải là hy hữu, cần phải theo đó tu chứng được Đại Định mới là hy hữu.

Có nhập định, xuất định, chưa phải là "Đại Định", "Đại Định" thì chẳng có xuất nhập, lúc đang

náo động vẫn là Định, nên gọi là Đại Định, vậy mới được làm vua trong tất cả định (Thủ Lăng Nghiêm Vương).

(QUYỂN BA HẾT)